

KIM QUANG MINH KINH HUYỀN NGHĨA

QUYỂN HẠ

1. Hỏi đáp vì sao y theo văn:

Hỏi: Kinh này theo dụ mà đặt tên, làm sao khác nhau mà y theo văn?

Đáp: Không phải nay y theo Văn mà làm hại đến Dụ; Nếu chấp Dụ thì hại đến Văn, nghĩa có hai đường nên tồn tại cả hai, vì thế ở trước nói tìm nghĩa sâu xa nương văn gần gũi. Nếu người độn căn thì dùng dụ suy ra pháp; nếu người lợi căn thì ngay pháp mà làm thí dụ.

Văn dưới nói: Hiểu sâu pháp tánh, an trú trong ấy, tức đối với kinh Kim Quang Minh này mà được thấy ta, Thích-ca Mâu-ni. Phẩm Không nói: Vì độn căn cho nên khởi tâm Đại bi, người độn căn chấp chặt ngón tay, gốc cây, đâu biết mặt trăng, con hổ, người lợi căn biết rõ nên không cần ngón tay, gốc cây...

2. Quán tâm giải thích tên gọi:

Kế là Quán tâm giải thích tên gọi: Vì sao phải vậy? Vì trên đây, chỉ nói về bậc Thánh vật báu của bậc Thánh, chẳng có phần trí của mình; giống như Chim Oanh vũ học nói, cũng như người đi buôn đếm tiền, không thể khai phát được kho báu của chính mình, nay muốn nói về châu báu của phàm phu ở Đạo tiền, từ chỗ nghe được mà tu tập cho nên nói Quán Tâm Thích. Kinh Tịnh danh chép: Sự giải thoát của các Đức Phật phải tìm ngay trong tâm hành của chúng sinh. Thích Luận chép: Có học vấn có trí tuệ là “sở thuyết”, nên thọ nhận, chính là ý này.

3. Hỏi đáp vì sao quán một ấm:

Hỏi: Tâm có bốn ấm, vì sao bỏ ba quán một?

Đáp: Muôn vật trong trời đất chỉ có người là quý, thân cao bảy thước, chỉ có đầu là tôn quý, đầu có bầy lỗ thì mất là quý, mất tuy quý không bằng linh trí. Phải biết bốn ấm thì tâm là quý, vì quý cho nên quán. Tâm quý cho nên tâm chính là “Vàng”. Ánh sáng đom đóm tự chiếu, ánh sáng đèn, đuốc, ngọc lửa thì ánh sáng đom đóm thua xa

không sánh bằng, ánh sáng trắng, sao ở chung với bóng tối, ánh sáng mặt trời thì có thể chiếu soi thiên hạ, nhưng không thể chiếu “lý”, ánh sáng của tâm trí thì có thể phát trí chiếu lý, cho nên tâm là “Ánh sáng”. Nếu tâm mờ tối thể khô héo thì tâm có ánh sáng trí tuệ thắm toàn màu đen.

4. Dẫn Kinh chứng minh:

Đại Phẩm chép: Bát-nhã rộng lớn cho nên sắc lớn, Bát-nhã tịnh cho nên sắc tịnh, cũng có thể lợi ích cho thọ, tưởng, hành... Tâm tức là “sáng”. Lại biết tâm, vô tâm gọi là “Ánh sáng”, biết tưởng, vô tưởng, biết hành, vô hành gọi là “sáng”. Lại biết bốn ấm chẳng phải thật bốn ấm gọi là “Ánh sáng”, biết sắc ấm không phải sắc ấm gọi là “sáng”. Lại biết năm ấm chẳng phải năm ấm gọi là “Ánh sáng”. Biết giả nhân chẳng phải giả nhân gọi là “sáng”, biết chánh báo chẳng phải chánh báo gọi là “Ánh sáng”, biết y báo chẳng phải y báo gọi là “sáng”. Lại biết y chánh chẳng phải y chánh gọi là “Ánh sáng”, biết tất cả pháp không phải tất cả pháp gọi là “sáng”, hiểu được ý này tức là quán tâm Kim Quang Minh.

Ở trên y theo mười thứ ba pháp để luận về Kim Quang Minh. Ở đây quán tâm vương tức là quán khổ - đạo, quán tuệ số tức là phiền-não - đạo, quán các số tức là nghiệp đạo. Tâm Vương là “Vàng”, tuệ số tức là “Ánh sáng”, ngoài ra các số khác tức là Minh.

Kinh Tịnh Danh chép: “Quán thật tướng của thân, quán Phật cũng như vậy”. Nếu sáu phần đầu, mình... mỗi phần đều là thân, thì ở đây là nhiều thân, nếu có một thân riêng thì không bao giờ có việc ấy. Nếu mỗi phần chẳng phải thân, thì khi hợp cũng không có thân. Nếu sáu phần đầu, mình... tìm thân không thật có, hiện tại không trụ cho nên không thật có. Nhân quá khứ diệt cũng không thật có, vị lai chưa đến cũng chẳng thật có, vừa có không cũng chẳng thật có, chẳng phải có chẳng phải không cũng không thật có. Như thế, khắp nơi tìm thân không bao giờ thật có, ngay nơi cái không này cũng không thật có, chỉ có tên gọi làm thân, như vậy tên gọi không ở trong, không ở giữa bốn ấm, không ở giữa sắc ấm, không ở giữa chẳng phải sắc tâm hợp, cũng không thường tự có, chẳng lìa sắc tâm. Phải biết công năng danh không với lấy vật, vật không thật ứng danh, giả thật đã không thì tên gọi vật làm sao có.

Quán thân như vậy là quán thật tướng, thật tướng tức là “Vàng”, trí quán thật tướng tức là “Ánh sáng”; duyên thân, các tâm, tâm sở, vắng lặng không hành tức là “sáng”. Quán thân là giả danh, giả danh

đã như vậy; quán sắc, thọ tướng, hành, thức cũng như vậy tức là quán khổ đạo.

5. Quán phiền não đạo:

Kế là Quán phiền não đạo: Phiền não và nghiệp đều là nhân của thân, nay thử khởi quán phiền não là nhân của thân. Kinh Tịnh danh chép: Không hoại nhân của thân mà tùy theo một tướng, nên thực hành phân biệt bốn trường hợp. Thân nào nhân quả đều hoại, thân nào nhân quả đều không hoại, thân nào hoại quả không hoại nhân, thân nào hoại nhân không hoại quả.

Thế nào gọi là quả của thân? Chính là sáu phần như đầu,... do cha mẹ sinh ra, vì sao thân là nhân? Chính là tham, sân, si, thân, miệng, ý nghiệp. Ở đây thử dùng ba nghiệp quán bốn quả tham, sân, si... ; dùng trí quán: Vô thường, khổ, không, để phá tham, sân, si ràng buộc cắt đứt gọi là hoại nhân của thân; không thọ hậu hữu gọi là hoại quả của thân. Hễ là dòng đời thì danh vọng áo đẹp, ăn uống nuôi lớn năm ấm, buông lung tâm ý, chạy theo tham, sân, si, tự mình khổ não, làm cho người khổ não, một thân chết hoại, lại thọ một thân, nhân quả nối nhau không có bờ mé, đó gọi là nhân quả đều không hoại, ví như phạm hiến pháp nhà vua giao cho Chiên-đà-la (người đao phủ), như kẻ thù đối tự hại thân thể; thân thể đã hư hoại thì bốn ấm cũng không còn, ấy là hoại quả.

6. Nói thêm về tham, sân, si:

Tham, sân, si là nhân của thân càng mạnh mẽ, càng trói buộc trong sinh tử, không có lúc được giải thoát, đó là câu thứ ba. Ba quả còn lại đều dùng quán trí vô thường để dứt bỏ nhân ràng buộc của năm phần dưới, quả thân của năm phần dưới vẫn chưa hết, đó gọi là hoại nhân của thân, không hoại quả của thân. Bốn trường hợp như vậy còn, hoại khác nhau, đều không theo một tướng. Theo một tướng, cái gọi là tu quán Đại thừa, quán một niệm tâm tham, sân, si, tâm là tự khởi, là đối trần khởi, là căn Đại thừa khởi, là lia căn trần khởi, đều không phải nghĩa này. Vì chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải cộng, chẳng phải vô nhân, cũng chẳng phải tiền Niệm diệt cho nên khởi, chẳng phải sinh, chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải chẳng diệt; như vậy tìm tâm khắp nơi không thật có, tâm còn vốn không, làm sao nói hoại, ấy gọi là không hoại nhân của thân, mà theo một tướng. Theo một tướng tức là tùy theo vàng, trí theo tướng tức là theo ánh sáng, các số vắng lặng tức là theo sáng, đã được một trường hợp bất hoại, mà theo một tướng rõ ràng hoại nhân của thân, cũng theo một tướng mà hoại quả của thân, không hoại quả của thân, cũng theo một tướng đều cũng

như vậy...

7. Quán nghiệp đạo:

Kế là quán nghiệp đạo: Như kinh Tịnh Danh chép: Giở chân lên, đặt chân xuống đều là đạo tràng, đầy đủ tất cả Phật pháp. Khi quán giở chân đó là nghiệp cử, nghiệp là cử, là nghiệp, nghiệp giả cùng cử, là lia nghiệp, nghiệp là cử, nếu nghiệp cử không liên quan với nghiệp, nghiệp là cử không liên quan với nghiệp, đều đã không cử thì, hợp cũng không cử, hợp đã không cử, thì lia cái nào mà được cử, giở chân lên đã không thì đặt chân xuống cũng không, quán hành đã như vậy, thì đứng, ngồi, nói năng, làm việc cũng như vậy. Đó là quán tướng thật của nghiệp, gọi là vàng; quán trì này gọi là ánh sáng, các oai nghi trong tâm đều thường vắng lặng gọi là sáng. Ấy là ba đạo gọi là Kim Quang Minh.

Hễ có tâm thì đầy đủ pháp giới pháp tánh Kim Quang Minh. Nếu hiểu được như vậy thì đó là danh tự Kim Quang Minh, thường nương vào quán này, niệm niệm không dừng, tâm tâm nối nhau, tức là quán hành Kim Quang Minh. Nếu mù mờ như còn trong vỏ, nhìn chưa được rõ ràng, nhắm mắt thì thấy, mở mắt thì mất, đây là tướng tự Kim Quang Minh. Nếu thấy được rõ ràng, mở mắt nhắm mắt đều thấy, là phần chứng Kim Quang Minh, nếu quả Diệu giác tròn đầy rốt ráo rõ ràng, gọi là Kim Quang Minh rốt ráo.

8. Quán tâm nói về ba thức:

Kế là quán tâm rõ ba thức: Nói về Kim Quang Minh, quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung, tức là quán tâm thức đối với ba thức, vì sao ý thức gá vào duyên mà phát ý? Vốn không có thức thì duyên vào cái gì để phát? Lại trong duyên có thức hay không? Nếu có thức duyên thì tức là thức, sao gọi là duyên? Còn không có thức thì làm sao phát ra thức được? Nếu ý duyên hợp phát, cả hai đều không, cho nên hợp không thể phát, lia càng không thể phát. Nên biết thức này không ở một chỗ, từ các duyên sinh, pháp từ duyên sinh ta nói tức là “không”, ở trong “không” này giả làm phân biệt, thức xấu ác này chính là thức tốt, quấy ác này chẳng phải thức tốt, các thứ đều hết, gượng nói là “chẳng phải” thức, nếu chắc chắn là “không” thì không thể làm giả thức, nếu chắc chắn “giả” thì chẳng thể là không, nên biết không chẳng phải không giả chẳng phải giả, chẳng phải không chẳng phải giả, hai bên đều quên, chính là nói lên “Trung đạo”. Trong một niệm thức ba quán đầy đủ, thức đối với ba thức, cũng chẳng được ba thức quán. Vì thế kinh Tịnh Danh chép: Không quán sắc, không quán sắc như, không quán tánh sắc... cho đến không quán Thức, không quán Thức

như, không quán Tánh thức. Cả hai soi chiếu Thức, Thức như, Tánh thức rõ ràng không có. Vì chiếu tánh thức cho nên là thức Am-ma-la, vì chiếu thức Như cho nên là thức A-lê-da, vừa chiếu vừa diệt cho nên là thức A-đà-na, đó gọi là quán ba thức Kim Quang Minh trong tâm. Sáu tức vị, như trên đã nói.

9. Quán tâm nói về ba Phật tánh Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm rõ ba Phật tánh Kim Quang Minh: Quán một niệm tâm khởi, tức không, tức giả, tức trung, thì thấy ba Phật tánh. Vì sao tâm theo duyên khởi, cho nên tức không, gượng nói có tâm cho nên tức giả, chẳng ngoài pháp tánh cho nên tức trung, ở đây đã giải thích rõ ràng. Lại dẫn trong kinh để chứng minh; kinh Tịnh Danh chép: Sao gọi là gốc bệnh? Cái gọi là phan duyên, sao gọi là phan duyên? Phan duyên là duyên ba cõi, chứng được tính chất giả dối của nó. Thế nào gọi là dứt các phan duyên? Nghĩa là tâm không thật có, đây là chứng “tức không”. Bệnh của Ta và của chúng sinh đều chẳng thật, chẳng phải có, đây là chứng “tức trung”.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Ba thứ Tâm, Phật và chúng sinh chẳng khác nhau, đây là chứng quán tâm, tức là ba Phật tánh. Kinh Bát-chu Tam-muội chép: Tâm ta Như, tâm Phật Như, tâm Phật như, tâm ta như, không thấy tâm ta là tâm Phật, không thấy tâm Phật là tâm ta, mà thấy Phật A-di-đà, giống như trong lưu ly thấy hình bóng, giống như đối nằm mộng thấy ăn, giống như mộng thấy làm việc dâm, như quán ánh sáng của xương... đều là văn chứng tức không tức giả tức trung, đọc văn kinh này phải nên tinh ý. Nếu là “như” thì đọc là “tức không”, nói lên “như” có nhiều tâm lẫn xằng là “tức giả”, thấy A-di-đà “tức trung”.

10. Phân biệt giữa ta và Phật:

Lại tâm ta như, tâm Phật như: Vì có phân biệt khác nhau giữa ta như, Phật như... do đó là tức giả, từ không thấy tâm ta và tâm Phật cách xa nhau, là “tức không”, mà thấy Phật A-di-đà cũng là “tức không”. Lại lấy nằm mộng thấy ăn mà thí dụ, nằm mộng mà ăn thì không no, dụ cho “tức không”, mộng thấy ăn trăm vị dụ cho “tức giả”, đều không nằm khỏi pháp tánh dụ cho “tức trung”. Các thí dụ khác cũng giống như vậy.

Lại giải thích rằng: tâm ta Tâm Phật là giả danh, giả danh phân biệt khác nhau giữa ta và Phật, tâm ta Như, tâm Phật Như, phàm Thánh đều không. Không đặc tâm ta, không đặc tâm Phật, đâu có tâm ta làm tâm Phật, tâm Phật làm tâm ta, vì là mất giả, không đặc tâm ta Như, không đặc tâm Phật Như, đâu có tâm ta như làm tâm Phật Như, vì là mất

Không; không và giả cả hai đều mất, chính là nói lên Trung đạo. Nhưng thấy Phật A-di-đà: là song chiếu “hai đế”. Thường thấy các Đức Phật khác, đâu không thấy ư? Đây lại là văn chứng quán tâm tức không tức giả tức trung. Quán tâm tức trung là chánh nhân Phật tánh, tức không là liễu nhân Phật tánh, tức giả là duyên nhân Phật tánh; đó là ba Phật tánh về quán tâm. Sáu tức vị của Kim Quang Minh này như trước đã nói.

Lại, Phật là trí giác. Tánh là lý cùng tột. Có thể dùng trí giác soi chiếu lý kia, cuối cùng cảnh trí tương xứng hợp lại để nói, gọi là Phật tánh. Nay quán năm ấm xứng với thật tướng năm ấm, gọi là “Chánh nhân Phật tánh”, quán giả danh xứng với thật tướng giả danh gọi là “Liễu nhân Phật tánh”, quán các tâm sở xứng thật tướng tâm sở gọi là duyên nhân Phật tánh”. Cho nên kinh nói Phật tánh không tức sáu pháp mà không lia sáu pháp là vậy.

Quán thật tướng năm ấm nên gọi là “Vàng”, quán thật tướng giả danh nên nói là “Ánh sáng”, quán thật tướng tâm sở nên gọi là “sáng”. Sáu tức vị, cứ như trước suy nghĩ thì biết. Vấn đề này rất cần cho nên phụ ở sau.

11. Quán tâm Ba Bát-nhã Kim Quang Minh:

Kế là quán tâm ba Bát-nhã Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả, tức trung, tức là ba Bát-nhã. Thế nào là một niệm tâm nhất thiết tâm? Tất cả tâm một tâm, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Một niệm tâm, tất cả tâm là từ tâm sinh tâm, dồn dập nối nhau, nước nhanh gió mạnh cũng không ví dụ được. Ngày đêm thường sinh vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sinh, luân hồi trong sáu đường, mười hai mắc xích, từ tối tăm đến tối tăm, tối tăm không bờ mé, đều trải qua tâm vậy. Cho nên nói một niệm tâm, tất cả tâm, cho nên là điều phạm phu quên mất. Tất cả tâm, một tâm, nếu biết được lỗi sinh tâm nhàm chán, đều tự giữ gìn, giống như đốm lửa nhỏ đốt cháy đồng củi lớn; bỏ một viên ngọc nhỏ lóng trong biển lớn. Quán được tâm Không, tất cả các tâm từ tâm sinh ra thấy đều “tức không”, cho nên nói nhất thiết tâm một tâm, một tâm như vậy chính là chỗ Nhị thừa bị mê muội, Không phải là đạo lý rốt ráo, hai bên đều mất, phiền não không phải một, không phải tất cả, Đại kinh dạy: nương trí không nương thức, thức chỉ cầu lạc; phạm phu biết vọng cầu vui, Nhị thừa thức cầu vui Niết-bàn, cho nên cả hai đều quên không được. Nương trí thì cầu lý, quán như thế tức là một tâm ba trí. “Tức không” là quán chiếu Bát-nhã nhất thiết trí, “tức giả” là phương tiện Bát-nhã đạo chủng trí, “tức trung” là thật tướng Bát-nhã nhất, thiết chủng trí; đó là được ba trí trong một tâm,

tức không tức giả tức trung, không trước không sau, không cùng không khác, sâu xa mâu nhiệm, rất đáng nường nhờ, ấy là Quán tâm ba Bát-nhã Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

12. Quán tâm ba Bồ-đề Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba Bồ-đề: Kim Quang Minh là quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung, tức là tâm ba Bồ-đề. Vì sao một tâm nhất thiết tâm giao kết rối loạn giống như tơ, như cát, như tầm, như con ngài, làm khổ làm não. Nếu biết tâm Bồ-đề Chân-đế tức không thì độ được chúng sinh có tâm sở vọng loạn, thông suốt chỗ ngăn lấp của Tứ trụ, ấy là “tức không” phát tâm Bồ-đề. Tức giả phát tâm Bồ-đề: “Không” tuy không có vọng loạn, kinh dạy, không làm loạn ý chúng sinh mà trí loạn, rất mờ tối và đó lại là hãm hố “ba vô”, ấy là Oán điều của Đại thừa, chưa đầy đủ Phật pháp, không nên diệt thọ mà thủ chứng. Nếu chân tức giả, tục đế tâm Bồ-đề, chúng sinh vượt qua sự mê đắm tâm sở “không”, thông suốt chỗ ngăn lấp của trần sa, phân biệt được thời nghi không thể phân biệt, phân biệt bệnh, thuốc, phân biệt giúp cho hiểu rõ, không trụ “vô vi” nên nói tức giả phát tâm Bồ-đề.

“Không” là để đối trị tâm trôi nổi, giả là đối trị tâm chìm đắm, do bệnh cho nên có thuốc, thuốc còn nên lại thành bệnh, bệnh đã qua thuốc hết, cả hai phải nên xả bỏ, chẳng phải không chẳng phải giả hai bên đều mất, tức là phát tâm Bồ-đề trung đạo nghĩa đế bậc nhất, độ chúng sinh còn tâm sở chấp hai bên, thông suốt sự ngăn lấp của vô minh, dùng không chấp pháp để trụ vào trung đạo. Nói “tức trung” phát tâm Bồ-đề, khi nói nếu ba thứ lớp quán thì không đúng. Trong một tâm ba tâm Bồ-đề, nếu quán “tức trung” thì đó là duyên “Vàng”, phát tâm Vô thượng Bồ-đề, nếu quán “tức không” thì đó là duyên “Ánh sáng”, phát tâm thanh tịnh Bồ-đề, nếu quán “tức giả” thì đó là duyên “sáng”, phát tâm rốt ráo Bồ-đề. Đó là quán tâm ba Bồ-đề Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã trình bày

13. Quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh:

Kế là quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh.

Quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung là ba Đại thừa. Vì sao tuy quán tâm nhất niệm mà thật có bốn việc xoay vần và tâm này xoay chuyển không dừng? Đó là chưa niệm, sắp niệm và niệm rồi, từ chưa niệm chuyển đến sắp niệm, từ sắp niệm chuyển đến niệm, từ niệm chuyển đến niệm rồi, lại khởi sự xoay chuyển, xoay chuyển không cùng chẳng biết dừng lại, giống như ở trong thuyền, nhắm mắt không biết sự nhanh chóng của nó. Quán một niệm tâm tức không tức

giả tức trung, mỗi một niệm tâm cũng giống như vậy. Từ tâm đến tâm, đều tức không tức giả tức trung, đó là từ ba đế chuyển đến ba đế; khi không có ba đế, ấy gọi là dùng chuyển, nếu xoay chuyển thuận theo bốn chuyển thì chuyển vào sinh tử, hoặc theo ba chuyển thì chuyển vào Niết-bàn. Quán “tức không” nương theo tùy thừa, chuyển đến “Chân-đế”. Quán “tức giả” nương nơi đắc thừa, chuyển đến “tục đế”. Quán “tức trung” nương theo lý thừa, chuyển đến “trung đế”. Ba thừa tức nhất thừa, thừa này nhiệm mầu thanh tịnh bậc nhất. Là thừa mà các bậc đại nhân như Quán Âm, Phổ Hiền nương tựa nên gọi là Đại thừa. Đó là quán tâm ba Đại thừa Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

14. Quán tâm Ba thừa Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba thân Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không, tức giả, tức trung, tức là ba thân. Vì sao trong Hoa Nghiêm chép: Tâm người như thợ vẽ tạo các thứ năm ấm, nếu tâm duyên việc phá giới đó là thân địa ngục; duyên vô tâm, vô quý, kiêu mạn, tức giận.... là thân súc sinh; duyên với dua nịnh, quanh co, danh vọng tức là thân ngựa quý, duyên ganh ghét, tranh giành, là thân A-tu-la, duyên năm giới, ngăn dứt năm điều ác tức là thân người; duyên với thiền định ngăn dứt tán loạn là thân trời; duyên với vô thường, khổ, không, vô tướng, vô nguyện là thân Nhị thừa; duyên với Từ bi, lục độ là thân Bồ-tát; duyên với chân như thật tướng là thân Phật.

Lên cõi trên thì khó đọa xuống cõi dưới thì dễ, thường duyên với các thân xấu. Do đó mà biết các thân đều do tâm tạo. Ví như tất cả mặt đất có công năng sinh ra và nuôi lớn các thứ mầm, nếu quán năm thọ ấm, thấy rõ ràng là Không, chẳng thật có, từ tâm sinh ra tất cả các thân cũng đều Không, chẳng thật có, giống như mặt đất cỏ cây chết hết, cho nên nói Tức không. Nếu tức không mà mãi chìm đắm như tro lạnh thì còn không thể khởi một thân đối với một không tâm, làm sao có thể dạo chơi trong năm đường cho được, hiện đời không được đáng độ bằng thân Phật thì hiện thân Phật để độ. Nên dùng các thân ba thừa, bốn chúng, tám bộ được độ, thì đều thị hiện đồng với sự nghiệp của họ. Vì lỗi này cho nên nói tức giả đồng thân trong sáu đường. Quán thân như vậy là rơi vào hai bên, chẳng phải khéo quán thân.

15. Nói về khéo quán thân:

Đại kinh chép: Không được dùng thân cao tám thước, không được dùng thân tướng năm bào hình thành, không được dùng thân do ăn uống nuôi dưỡng, không được dùng thân do quả báo của năm giới, không được dùng thân nhóm họ: ấm, nhập, giới, không được dùng thân một

giả thật thành thân. Không được dùng thân hai đại, bốn đại thành thân, không được dùng thân này phải bỏ một thân khác. Không được dùng thân bằng các thứ di thể kia, không được dùng thân biết niệm niệm vô thường. Không được dùng thân giống như thân trong hư “không”, sáu đường đều có thân, không được dùng thân tu nương thân có khả năng tu pháp. Không được dùng thân người tu tức hành nhân, cũng không được dùng thân như, thân tướng như, cho đến thân tu như, tu giả như cũng không được, thân tánh, thân tướng tánh, cho đến thân tu, tánh tu, tánh rốt ráo thanh tịnh; vì lý do này nên nói là “tức trung”, nói tức trung là “pháp thân”, tức không phải “báo thân”, tức giả là “ứng thân” tức gọi là quán tâm ba thân Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã trình bày.

16. Nói về quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh: Quán kỹ tâm tánh xưa nay vắng lặng, không nhiễm không tịnh vì nhiễm nên gọi “sinh”, tịnh nên gọi là “diệt”. Sinh diệt không thể hủy hoại cho nên là “thường”, không thể nhiễm cho nên là “tịnh”, không gì có thể chướng ngại cho nên “ngã”, không thể thọ cho nên “lạc”, đó là Niết - Bàn tánh tịnh. Nếu tâm khởi vọng niệm, đều dùng chánh quán để quán, để chánh quán này tương ứng với pháp tánh, vọng niệm không thể làm nhiễm, không thể làm hư hoại, không thể làm chướng ngại, không thể lãnh thọ, thường, lạc, ngã, tịnh: tức là Niết-bàn Viên tịnh. Lại dùng chánh quán để quán các tâm, tâm sở, không hành tâm sở, không thể hủy, không thể nhiễm, không thể chướng ngại, không thể thọ, gọi là Niết-bàn Phương tiện tịnh. Đó gọi là quán tâm ba Niết-bàn Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

17. Quán tâm ba ngôi báu Kim Quang Minh:

Kế là Quán tam ba ngôi báu Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung, tức là ba ngôi báu. Vì sao bất giác gọi là Pháp bảo, giác gọi là Phật bảo, hòa hợp gọi là Tăng bảo? Lý ba đế bất giác nên gọi là Pháp bảo; Trí ba đế năng giác nên gọi là Phật bảo, ba trí của tam đế tương ứng hòa hợp nên gọi là Tăng Bảo. Không có đế, trí không phát, không có trí, đế không thể hiển bày, đế trí không hòa thì không thể có đại dụng lợi ích cho chúng sinh, ba thứ đều đáng tôn đáng trọng, cho nên đều gọi là bảo. Sáu tức như trước. Lại nữa, Trung đế bất giác gọi là Pháp bảo, Chân-đế bất giác gọi là Phật bảo, tục đế bất giác gọi là Tăng bảo. Biết tức trung là hai bên gọi là Pháp bảo, biết Tức không gọi là Phật bảo, biết Tức giả gọi là Tăng bảo. Tức trung sự lý hòa gọi là Pháp bảo, Tức không sự lý hòa gọi là Phật bảo; Tức giả

sự lý hòa gọi là Tăng bảo. Tức Trung gọi là “Vàng”, tức Không gọi là “Ánh sáng”, Giả gọi là “sáng”, đó là quán tâm ba ngôi báu Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói.

18. Quán tâm ba đức Kim Quang Minh:

Kế là Quán tâm ba đức Kim Quang Minh: Quán kỹ một niệm tâm, tức không tức giả tức trung. Tức không cho nên một không tất cả không, vô giả, vô trung và bất không. “Không” chẳng chứa nhóm nên gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là “đức”. Tức giả cho nên một giả tất cả giả, vô “không” vô “trung” và chẳng “giả”. Giả thu nhiếp các pháp cũng gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là “đức”. Tức “trung” cho nên một “trung”, tất cả “trung”, vô không, vô giả và bất trung. “Trung” thu nhiếp tất cả pháp cũng gọi là kho, kho đầy đủ nên gọi là “đức”. Tuy nói trong một có vô lượng, trong vô lượng có một, nhưng biết rõ kia sinh khởi lẫn nhau, xoay vần sinh ra “không”.

Thật trí không lo sợ, nên biết một chẳng phải ít, đồng chẳng phải là nhiều, chẳng phải một chẳng phải nhiều, không mất một nhiều, không thể suy nghĩ bàn, không dọc không ngang, không đồng không khác. Các Đức Phật lấy “tức trung” làm Thể, nên gọi là “pháp thân”, lấy tức không làm Mạng nên gọi là “Bát-nhã”, lấy tức giả làm năng lực nên gọi là “giải thoát”, mỗi thứ đều thường, lạc, ngã, tịnh không có thiếu sót, nên gọi là “ba đức”, mỗi đũa đều là pháp giới, chứa đựng rất nhiều nên gọi “kho bí mật”. Vì thế kinh Tịnh Danh chép: Các Đức Phật giải thoát ngay trong tâm hạnh mong cầu của tất cả chúng sinh, nên biết tâm ta cũng thế, chúng sinh cũng thế, kia và ta đã như thế, các Đức Phật cũng thế.

19. Nói về tâm, Phật và chúng sanh:

Ba pháp Tâm, Phật và chúng sinh chẳng khác nhau, hiểu được ý này, thì tức trung là Kim, tức không là Quang, tức giả là Minh, đây là quán tâm ba đức Kim Quang Minh. Sáu tức như trước đã nói. Thế gian có người thực hành “không” chấp si không, không hợp với kinh Phật, nghe đây rồi quán tâm mà có lời vặn hỏi, nếu quán tâm là pháp thân thì lẽ ra khi gặp mọi việc đều bình đẳng, vì sao nói đối với kinh, tượng sinh cung kính, còn giấy, gỗ sinh khinh lờn? Kính và khinh đã khác thì không có bình đẳng, không bình đẳng cho nên nghĩa pháp thân không thành. Không bình đẳng, trí bình đẳng không thành, thì không có báo thân, không thể đem cái này hóa thành cái khác, nghĩa ứng-thân không thành. Không giống như ta đối với kinh, tượng, giấy, gỗ. Bình đẳng bình đẳng đều Như như gọi là “pháp thân”. Có trí bình đẳng này là “báo

thân”, biến trí này hóa thành cái khác là “ứng thân”.

20. Đáp bằng cách hỏi việc:

Nghĩa ba thân của ta đều thành thì người cần quán tâm làm gì? Nếu bị người hỏi điều này, nên đáp bằng cách hỏi ba việc:

1. Ông nói đối với giấy gỗ, kính, tượng bình đẳng là như, vậy vì sao đối với thất miếu cung kính tượng gỗ, Thiên tử ban sắc hiệu mà sinh kính sợ, đối với kính tượng Phật mà sinh khinh bỉ, ngạo mạn. Đã khởi các sử loạn, thì chỗ nào có nghĩa là pháp thân bình đẳng ư?

2. Ông đối với người đồng thầy đồng học mà sinh thương mến, giúp đỡ, đối với người khác thầy, khác học mà sinh ngạo mạn oán giận; thương yêu), ngạo mạn từ mê muội sinh ra ba độc lấy lừng, các điều ác càng nhiều, chẳng lẽ có báo thân trí tuệ hay sao?

3. Ông mê đắm “không”, chẳng có tuệ phương tiện, còn không vui lòng người, huống gì hiểu rõ chí lý, tự chấp kiêu căng, là người tăng thượng mạn, thầy ông bị đọa ông cũng đọa theo, khí độc nhập sâu, nếu hóa tà khí này ra thứ khác thì ánh sáng ứng thân ở chỗ nào? Tôi ở địa vị phàm phu quán tướng “Như” thật, đó là vì muốn mở bày tướng thật này, cung kính kính, tượng, khiến cho trí tuệ không trói buộc, giúp cho vô lượng người tôn sùng điều lành, dứt bỏ điều ác, khiến phương tiện không bó buộc, chẳng lẽ đồng với ông sao?

21. Giải thích Đế vương:

Nay lại giải thích Đế vương, Tam Tạng Chân-đế nói: Pháp thân nhiếp Hoa Nghiêm, Thể của Hoa Nghiêm là pháp thân Báo thân nhiếp Bát-nhã, Bát-nhã làm sáng tỏ trí tuệ; Ứng thân thu nhiếp Niết-bàn, Niết-bàn làm sáng tỏ trăm câu, giải thoát, bốn đức... đây là Đại sư thấy rõ nghĩa Đế vương thống nhiếp. Ở đây nói Đế vương phải đủ ba nghĩa, nghĩa là Đế Tuệ Vương. Đế thì rất tôn quý chí tôn chí trọng; Tuệ thì mưu lược của thần, kế sách của bậc Thánh; Vương thì muôn nước hưởng về, có đủ ba nghĩa này gọi là Đế Tuệ Vương. Kinh này cũng vậy, Như lai sống trong pháp tánh sâu xa vô lượng, trải qua các việc làm thanh tịnh của các Bồ-tát, tức là nghĩa rất tôn quý. Nếu người nào nghe được, thì sẽ suy nghĩ nghĩa cao cả sâu xa mâu nhiệm, mở cửa cam lồ, vào thành cam lồ, ở nhà cam lộ, khiến cho các chúng sinh ăn vị cam lộ, dùng năng lực trí tuệ cắt đứt lưới phiền não, tức là nghĩa mưu kế dừng cảm của trí tuệ bậc Thánh.

Các Đức Phật hộ trì trang nghiêm, Bồ-tát và các vị trời cung kính, các vị Hộ thế khen ngợi, có thể khiến cho các sông địa ngục khô cạn, cho đến tất cả những việc thế gian chưa hề có thấy đều hiện ra đầy đủ,

tức là muôn nước hưởng về. Suy xét nhiều nghĩa lợi ích, dùng ba nghĩa này trải qua mười loại ba pháp môn. Khổ Đạo tức pháp thân là nghĩa Quý, phiền não tức Bát-nhã là nghĩa tuệ, nghiệp tức giải thoát là nghĩa nhóm hội. Cho đến Pháp thân đức tức nghĩa Quý, Bát-nhã đức tức nghĩa Tuệ, giải thoát đức tức nghĩa nhóm hội luận nghị. Mỗi pháp môn đều là Kinh Vương. Đã được ý này tức là luận về nhiếp pháp. Nhiếp pháp có ba: 1 Nhiếp pháp môn. 2. Nhiếp Kinh giáo. 3. Nhiếp Lục tức vị:

1. Nhiếp pháp môn: là ba đạo thu nhiếp tất cả hoặc, ba thức thu nhiếp tất cả giải (hiểu biết), ba Phật tánh thu nhiếp tất cả Nhân, ba Bát-nhã thu nhiếp tất cả Trí, ba Bồ-đề thu nhiếp tất cả hạnh phát tâm, ba Đại thừa thu nhiếp tất cả giai vị phát thú, ba thân thu nhiếp tất cả Phật quả trí đức, ba Niết-bàn nhiếp tất cả Phật quả đức dứt, ba ngôi báu bảo thu nhiếp tất cả Phật quả ân đức, ba đức thu nhiếp tất cả lý; đó là pháp môn thu nhiếp theo chiều ngang..

2. Nhiếp giáo: Ba đạo là ba chương, ngay nơi ba chương là ba giải thoát, nhiếp bất tư nghì giải thoát tịnh danh giáo, ba thức thu nhiếp Lăng-già, Địa trì, Nhiếp luận... ba Phật tánh thu nhiếp Niết-bàn; ba Bát-nhã thu nhiếp năm thời giáo Đại phẩm... ba Bồ-đề thu nhiếp các kinh Phương Đẳng, ba Đại thừa nhiếp Pháp hoa, ba thân nhiếp Hoa Nghiêm; ba Niết-bàn, ba ngôi báu, ba đức... đều thu nhiếp Niết-bàn. Ở đây nêu đạo lý trong các kinh, kinh là kho chứa tám muôn pháp, đều thu nhiếp như thế...

3. Nhiếp vị: Khổ đạo có tất cả năm ấm. Phiền não đạo có năm trụ hoặc, nghiệp đạo có tất cả nghiệp, cho đến... Ba đạo là ba chương, ngăn che sáu vị. Nếu ngay (nơi) ba thứ phi đạo mà hiểu suốt ba thứ Phật đạo, sáu vị đã hiển bày thì nhiếp các vị; cho đến ba đức cũng có sáu vị, ba đức đã nhiếp đủ thì sáu vị há không thấu đủ sao? Trong đó thì lệ theo đây có thể tự biết... Lý do làm ba phen thu nhiếp là hợp ba nghĩa Đế Tuệ Vương. Thu Nhiếp pháp môn hợp nghĩa quý, thu nhiếp giáo hợp nghĩa tuệ, nhiếp vị hợp nghĩa vương; lại nhiếp pháp môn là thu nhiếp ngang, thu nhiếp vị là nhiếp dọc, thu nhiếp giáo là nhiếp cả ngang dọc, nghĩa thống nhiếp đã rõ, thì nghĩa kinh vương cũng hiển bày.

22. Quán tâm làm sáng tỏ kinh vương:

Kế là Quán tâm làm sáng tỏ Kinh Vương: Quán tâm tức trung là nghĩa quý, quán tâm tức không là nghĩa tuệ, quán tâm tức giả là nghĩa nhóm hội, đó là quán Kinh Vương trong tâm. Quán tâm nói về vị: Chúng sinh vốn có lý tánh Kim Quang Minh, tâm chỉ có danh, tức danh tự Kim Quang Minh, niệm niệm tu quán tức quán hạnh Kim

Quang Minh. Quán tâm thuần hậu, tức tương tự Kim Quang Minh. Hội nhập dòng pháp tức phần chứng Kim Quang Minh. Cùng bờ đến đáy tức là rốt ráo Kim Quang Minh. Nếu không tu quán chỉ nghe suông thì được lợi ích gì? Giống như núi báu đẹp xa, chân không bước đi đâu thế đến được là nghĩa này vậy, phải quán tâm một phen khiến cho văn tuệ đầy đủ.

A. Kế là giải thích tên chung: Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói...

B. Phân biệt thể: chia làm ba:

1. Giải thích tên gọi.
2. Dẫn chứng.
3. Phân biệt.

- Giải Thích tên gọi: Thể là chất, chất là thể chất chính thể nào là thể chất chính? Pháp thân pháp tánh phải trải qua thể chất, hoặc nương theo nghĩa, pháp thân là thể chất, hoặc nương theo văn thì pháp tánh là thể chất. Pháp thân pháp tánh chỉ là khác tên, chẳng phải hai thể, muốn khiến cho dễ hiểu cho nên nên cả hai như thế. Nay thể chất là Phật sống trong pháp tánh.

Văn chép: Lúc bấy giờ, Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa, trải qua các việc làm thanh tịnh của Bồ-tát, vì thế biết thể này không cùng chung với Bồ-tát ở hạ địa và hàng Nhị thừa, không chung với pháp tánh. Nhưng mà, Phật đã sống trong “Trí Nhất thiết chủng”, lấy đây làm căn bản vô lượng công đức và các hạnh trang nghiêm để hưởng về. Lời nói, hỏi đáp đều giải thích việc ấy, giống như các sao châu về sao Bắc đẩu, như muôn dòng chảy ra biển Đông, do đó lấy pháp thân pháp tánh làm tính chất chính cho tự thể của kinh này.

23. Giải thích của các nhà soạn sách:

Cho nên các nhà soạn sách giải thích: Lễ là thể. Thể có cao thấp, lớn nhỏ, thể của vua, của cha là tôn quý, thể thấp hèn của quan, của con là thấp hèn, nên biết giải thích lễ và thể đồng với ý nghĩa pháp tánh trong kinh. Chỗ Như lai an trú là chỗ Phật che chở, giữ gìn, do đó mà biết thể này là pháp rất quý. Lại nữa, thể là nghĩa tận đáy, cùng nguồn tận gốc, chứa hết mọi lý, làm sáng tỏ mé thật, mới gọi là tận đáy. Thích Luận chép: Biển trí rộng lớn chỉ có Phật mới cùng tột, ở đây đồng với ý nghĩa sâu xa của pháp tánh trong kinh này. Phải biết pháp tánh cao sâu, dọc cùng biển Phật, vì thế dùng nghĩa tận đáy để giải thích “thể”.

Lại, thể là nghĩa “Đạt”, được ý của thể này thông suốt không ngưng trệ, giống như gió trong hư không tự tại không chướng ngại. Tất

cả tên khác nói riêng đều không chống trái với pháp tánh. Thích Luận chép: Bát-nhã là một pháp, Phật nói nhiều tên, tùy theo các loại chúng sinh mà đặt tên khác nhau. Lại nói: Nếu đúng như pháp quán Bát-nhã và Niết-bàn của Phật, thì ba thứ đồng nhau, thật sự không có khác. Ở đây đồng với ý nghĩa pháp tánh vô lượng của kinh này. Phải biết pháp tánh rộng lớn không bờ mé, ngang gồm thấu pháp giới, trùm khắp không bị ngăn cách. Vì thế dùng nghĩa “Đạt” để giải thích “thể”.

24. Dẫn chứng làm sáng tỏ:

Hai là Dẫn chứng: Phẩm Tựa chép: Như lai sống trong vô lượng pháp tánh sâu xa. Phẩm Quỷ thần nói: Nếu nhập vào kinh này tức nhập vào pháp tánh, như pháp tánh sâu xa. Hai là văn đã nói pháp tánh sâu xa, thì biết phân biệt khác với pháp tánh mà hàng Nhị thừa, Bồ-tát đã được. Phẩm Không chép: Tôn kinh này giải thích sơ lược, nói về không tức Như.

Phẩm Tán Phật chép: Biết hữu phi hữu bản tánh vắng lặng, phải rõ những thứ này, đều là tên khác của “thể”, đều hội nhập pháp tánh. Pháp: là khuôn phép, Tánh là bất biến, bất biến cho nên thường nhất, pháp tánh thường nhất này là khuôn phép của các Đức Phật, do đó nói pháp tánh là thể của kinh này.

25. Hỏi đáp về pháp tánh:

Ba là phân biệt.

Hỏi: Pháp tánh chắc chắn là “không” hay chẳng phải “không”?

Đáp: Pháp tánh vượt ngoài những việc làm thanh tịnh của các Bồ-tát; Tịnh đối với bốn trường hợp, không nên dùng “không” “có” mà cầu. Tuy chẳng phải bốn trường hợp, hoặc khi phó duyên nói bốn trường hợp. Văn chép: Việc làm của Đức Thế Tôn lững túc cũng “không”. Bản tân dịch chép: Thân thứ ba là chân thật có. Lại nói: hai thứ thân trước là giả danh có; lại nói chẳng phải có chẳng phải không, ở đây có bốn trường hợp, là ý của bốn môn. Môn có bốn, ngộ lý chẳng phải số. Phật dạy người pháp Vô tránh, không nên chấp tướng tranh hơn này. Bản dịch cũ nói không, bản dịch mới nói có, dùng thể đạt nghĩa để giải thích. Hai văn không trái tức là ý này vậy.

26. Nói về tông:

Ba lớn là nói về Tông:

Tông là tông yếu. Có người nói hoặc lấy quả làm tông, hoặc lấy Nhân làm tông, hoặc dùng hai thứ Nhân, quả làm tông. Nay y theo lại phẩm Tuổi thọ, nói về nhân cho ăn không giết hại, chính là so sánh nhân với quả, quả là ý chính. Theo phẩm Tam Thân Phân Biệt thì tuy

lại hỏi nhân, nhưng Đức Phật đáp ba thân lại là quả làm ý chính, nay ý này chỉ dùng quả Phật làm Tông. Vì sao? Vì thể pháp tánh thường hằng, sâu xa mâu nhiệm nếu muốn nói lên mà không có quả thì không thể được, phải biết quả là cơ quan chính yếu để hiển bày thể, như mục chính của giềng mối thì phải lấy quả làm tông, chính là ý này. Lại dựa vào kinh để nói thêm nghĩa này.

Văn chép: Tuổi thọ mà Thích-ca Như lai có được, Thích-ca là quả, thời gian người sống lâu là quả pháp, quả Nhân hơn quả Pháp, điều này thâm hợp với pháp tánh. Pháp tánh đã chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, quả nhân quả pháp cũng chẳng phải thường chẳng phải là vô thường, pháp tánh có thể là thường có thể vô thường; bốn Đức Phật đã dứt nghi. Nêu lên núi cân, giọt nước biển, bụi đất, côi hư không, không thể tính đếm được, là nói rõ Đức Phật Năng thường, tám mươi tuổi diệt độ thì cũng là vô thường, chúng sinh thấy vô thường vì tám mươi tuổi diệt độ, không thể so sánh cái thường kia, và không thể biết được cái thường của kia. Có thể biết kia chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nếu không nói theo quả thì nghĩa này khó hiểu. Đã nêu lý sâu, thể bày nghĩa sáng tỏ, lấy quả làm Tông, nghĩa ấy như thế. Lại nói nghĩa quả khác nhau, hoặc y theo trí đức của Vô thượng Bồ-đề mà nói quả, hoặc y theo đức dứt của Đại Bát-niết-bàn mà nói quả.

27. Nêu tuổi thọ để nói về quả:

Nếu nêu trí đức thì các điều lành đều nhóm hợp nhập vận biết có đức dứt. Nếu nêu đức dứt thì các điều ác hết sạch, nhập vận biết có trí đức; lẫn nhau nêu một bên, không thể chấp riêng. Kinh này nêu tuổi thọ để nói quả. Tuổi thọ là quả báo, quả báo là nói chung, chung với trí đức; đức dứt cũng chung, quả ba thân về mặt quả, ba thân trên đã thâm hợp với pháp tánh, pháp tánh chẳng phải thường chẳng phải vô thường, ba thân cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, nếu có thể vô thường tức là tuổi thọ của hóa thân.

Đối với vô thường mà nói thường, năng thường tức là tuổi thọ của báo thân. Báo, hóa cùng pháp tánh thâm hợp, pháp tánh đã chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không thể tính đếm, báo, hóa cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, không thể tính đếm. Vì sao thấy tích môn ngăn ngại, mà nói tuổi thọ Đức Phật là chắn chắn, ở đây không hiểu ý “quả” có công năng hiển bày “thể”. Lại như Đức Phật không phải nai, ngựa có thể hiện nai, ngựa, nai, ngựa chắc chắn là Phật sao?

28. Hóa thân của Phật:

Nai, ngựa là vật Đức Phật hóa ra, không phải thân Phật. Pháp tánh có thể dài ngắn, dài ngắn không phải là Pháp tánh. Nếu hiểu được ý này thì quả có công năng hiển bày thể, nghĩa thường cũng thành, nghĩa chẳng phải thường chẳng phải vô thường cũng thành, nghĩa vô thường cũng thành. Trước đây dùng văn núi cân, giọt nước biển là vô thường. Cho rằng hư không phân cội là hư không vô vi, lại dẫn phẩm “Xả thân” tìm trú xứ của thường, lạc, ba vô vi này là “thường”, không sinh tử cho nên là “lạc” đều dùng ý nhỏ, bé để hiểu Đại thừa, hiểu như vậy thì tất cả đều không thành, vì chẳng phải Tông yếu.

29. Nói về dụng:

Bốn lớn là nói về dụng:

Dụng là Lực dụng. Dứt ác sinh thiện là lực dụng của kinh. Vì dứt ác nên nói Lực, vì sinh điều lành cho nên nói Dụng. Vì dứt ác nên nói công, vì sinh điều lành nên nói đức, ở đây riêng nêu để bàn luận đầy đủ. Xét rằng, trí Nhất thiết chủng là Đức về mặt quả, quả trí từ nơi chỗ trang nghiêm của Vô lượng công đức dứt trừ các khổ, ban vô lượng vui. Khổ là quả nghiệp ác, tham, sân, si là nhân ác, nhân ác không bỏ, thì quả không được chối trừ. Ý của bậc Thánh trước hết bảo dứt bỏ nhân ác, vì thế Phẩm Sám Hối nêu ở trước, lạc là quả lành, ăn năn khen ngợi là nhân, sám hối tội lỗi, khen ngợi bậc Thánh thì dứt ác sinh thiện. Do đó phẩm Tán Thán đặt ở sau, cũng là nêu lẫn nhau.

Ở đây đem Dụng tốt đẹp trang nghiêm quả Trí; Trí đầy đủ thể hiển bày, gọi là Kim. Quả đầy đủ gọi là Quang, lực thành gọi là Minh, lợi ích người gọi là Giáo. Nhưng theo phẩm Sám thì dứt ác chẳng phải không sinh điều lành, phẩm Tán thì sinh điều lành chẳng phải không diệt điều ác, lẫn nhau nói một bên vậy. Phẩm Không thì mở lối cả hai, sám không được không thì điều ác không trừ diệt, khen ngợi không được không thì thiện không thanh tịnh. Văn nói: trí Nhất thiết chủng làm căn bản, tức là nghĩa ấy. Phẩm Tứ Vương trở xuống, giúp kinh khiến truyền bá thông suốt lại sinh thiện, trừ dẹp tai họa khiến cách xa lại là dứt ác, thu nhiếp các văn này, cho nên lấy dứt ác sinh thiện làm “dụng”.

30. Xếp vào giáo tướng:

Năm lớn là xếp vào Phán Giáo tướng:

Xưa nói: Kinh này chẳng phải bỏ ba, chẳng phải khen chê, chẳng phải vô tướng, không xếp vào chúng đồng nghe, không ở trong thứ lớp “năm thời” mà nói thường trú, đó là nghiêng về “giáo bất định”, nghĩa ấy không đúng. Nếu không xếp vào chúng đồng nghe, không phải thứ lớp, xếp vào chúng đồng nghe thì đó là thứ lớp, Ương-quật-ma-la xếp

vào chúng đồng nghe, không khác với các kinh. “Luận” khen chê giống với ý kinh Duy-ma, các nhà soạn luận vì sao không xếp vào thứ lớp. Nếu xếp nhiều không xếp nhiều đều chẳng phải thứ lớp, cũng nên xếp nhiều không xếp nhiều đều là thứ lớp... Nếu cho rằng, chưa nên nói thường mà nói thường đó là nghiêng về Bất-định.

31. Dẫn kinh chứng minh:

Đà-la-ni nói: Ba chỗ thành Vương xá, Ba-la-nại, rừng Kỳ-đà, đều thọ ký cho Thanh văn, đây cũng là chưa phải bỏ ba mà hội ba, được làm thứ lớp, chưa phải nói thường mà nói thường. Vì sao là bất định ư?

Kinh Pháp hoa, Bát-nhã, Tịnh Danh, Phương Đẳng, đều nói về thường trụ, được là thứ lớp. Kinh này nói thường riêng ở bất định là vì sao?

Lại, một vị Đại sư nói: Kinh này giống Pháp Hoa, đó là thời thứ tư. Cơn núi, giọt nước biển, cát, bụi nghĩa như nhau. Nghĩa ấy không đúng.

Bản tân dịch chép: Xá-lợi trói buộc sắc, thân thường trụ của Như lai không có việc Xá-lợi, làm sao núi, biển mà che phủ Kim Quang, cát bụi mà che lấp đảo châu báu.

Tam Tạng Tạng Chân-đế nói: Kinh này trước Niết-bàn sau Pháp Hoa, nói chín mươi ngày, dẫn kinh, Niết-bàn chép: Đức Phật bảo Ba-tuần, ba tháng sau Ta sẽ diệt độ (Niết-bàn), Tín Tướng nghe việc này nên biết tám mươi tuổi Phật diệt độ, nghĩa ấy cũng không đúng, ý chỉ tuyên bố diệt độ không phải riêng báo với ma chắc chắn trong ba tháng.

Kinh Pháp Hoa chép: Như lai không lâu sẽ nhập Niết-bàn, kinh Phổ Hiền Quán cũng nói: Sẽ nhập niết-bàn, các kinh nói diệt không chỉ một văn, cần gì phải chín mươi ngày? Dù cho ba tháng, là thuộc thời thứ tư, là thuộc thời thứ năm. Nếu thuộc thời thứ tư, thì Pháp hoa đã bỏ phương tiện, trong đây đâu còn chấp nhận ba thừa đồng sám, còn thuộc thời thứ năm thì đâu được nói trước ba tháng, tiến lùi không có y cứ cả hai đều không thu nhiếp...

32. Nêu ví dụ làm sáng tỏ:

Nay đã không đồng với xưa, nếu là phán giáo, hoặc xếp vào vô tướng mà khác thời, hoặc xếp vào ba mà chưa xét riêng. Văn dưới nói: Có nghe ngày xưa ở chỗ vắng lặng, có một Tỳ-kheo đọc tụng kinh Đại thừa Phương đẳng như thế, đã nói Phương đẳng thì chẳng lẽ không phải là Văn ư? Giáo pháp phương đẳng chung cho Ba thừa. Bản tân dịch chép: Muốn sinh làm trời, người, muốn đắc bốn quả, Bích-chi-Phật,

muốn thành Phật, đều phải sám hối dứt trừ nghiệp chướng, lẽ nào đối với Phương đẳng không nghi nghĩa ấy, mà nói là khó.

Bản tân dịch chép: Pháp giới không có Thừa nào khác, đây là hại đối với nghĩa thông, nhưng Phương đẳng mãn tự là thông biệt thông viên, ý này không ngăn ngại. Khó là do không xếp vào đồng nghe làm nghi. Bản kinh tiếng Phạm còn nhiều, cần gì chỉ bốn quyển bảy pho, có lẽ văn ấy chưa đến mà thôi, suy xét như vậy sẽ rõ nghĩa năm vị, thì thuộc về thời bơ sống thứ ba. Nếu rõ nghĩa bốn tạng thì thuộc về tạp tạng, hiểu nghĩa bốn giáo thì thuộc về thông giáo, đối với Thông giáo liền được nói về mang biệt mà nói viên.

